TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HS-ST
Ngày 11 - 3- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Với tH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Duy Tùng và ông Lê Mạnh Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 3 N 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 02 N 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 N 2022 đối với:

1. ***Bị cáo***: **Lê Văn P**, sinh ngày 08/01/1997; nơi cư trú: Thôn TP, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; dân tộc: Sán Dìu; Quốc Tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Lê Văn L và bà Diệp Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: 02: 1. Bản án số: 11/2016/HSST ngày 04/2/2016 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 N tù về tội "Trộm cắp tài sản" (trị giá tài sản 15.800.000đ - chấp H1nh xong bản án ngày 13/11/2016); 2. Bản án số: 43/2018/HSST ngày 28/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 03 N tù về tội "Trộm cắp tài sản" (trị giá tài sản 72.700.000đ - chấp H1nh xong hình phạt tù ngày 03/4/2021); nhân thân: Bản án số: 74/2013/HSST ngày 28/10/2013 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 N về tội "Trộm cắp tài sản"; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2021 đến nay (có mặt).

2. *Bị hại:* Ông Trần Văn N, sinh N 1975; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Ngô Văn H1, sinh N 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3.2. Anh Trương Văn H2, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

4. *Người làm chứng*:

4.1. Chị Hoàng Thị X, sinh N 1986; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

4.2. Anh Lê Văn T1, sinh N 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

4.3. Anh Nguyễn TH1nh L1, sinh N 1976; nơi cư trú: Khu C, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 11/12/2021, Lê Văn P đi xe Taxi hãng "Thịnh H2" đến gia đình ông Trần Văn N để gặp anh Trần Văn D (con trai ông N) mục đích để vay tiền. Đến nơi, P thấy nH1 ông N đóng cổng và nH1 khép cửa nên gọi Dũng nH2 không thấy có ai trả lời. P đi bộ đến đập thôn Làng H1, xã H, huyện T ngồi chơi đợi Dũng về. Khoảng 15 phút sau, P đi bộ quay lại nH1 anh N nH2 vẫn không thấy có ai ở nH1, quan sát sung quanh nH1, H1ng xóm không thấy có ai. Lúc này, P nảy sinh ý định đi vào nH1 ông N trộm cắp tài sản, P dùng tay mở cổng sắt, đi vào thấy cửa nH1 chỉ khép, không khóa, P đi đến dùng tay mở cửa nH1 đi vào bên trong phòng khách và quan sát trong nH1 thấy 01 chiếc tivi, nhãn hiệu SamSung, loại 55 inch màu đen để ở trên kệ tủ giáp tường có giá trị nhất. P rút ổ cắm dây dẫn điện tivi và bê ra để ngoài sân. P lấy điện thoại Nokia gọi điện thoại cho tổng đài Taxi hãng "Thịnh H2" đặt xe đến đón P ở cổng gia đình ông N. Khoảng 10 phút sau có xe ô tô Taxi hãng "Thịnh H2" BKS 88A-056.30 do anh Lê Văn T1 điều khiển đi đến. P đi vào trong sân dùng tay bê Tivi ra để vào H1ng ghế sau xe ô tô, P quay lại khép cổng sắt rồi lên xe ô tô Taxi ngồi ở H1ng ghế lái phụ. Khi lên xe anh T1 hỏi P "tivi lấy đâu ra đây?", P trả lời "tivi nH1 bác em" (ý là của gia đình người nH1 P). T1 hỏi P đi đâu, P nói với T1 trở ra tH1nh phố Vĩnh Yên. T1 điều khiển xe ô tô đi ra đến tH1nh phố Vĩnh Yên thì P bảo T1 đi đến thôn Tam Lộng, xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên, trên đường đi P gọi điện cho anh Nguyễn TH1nh L1 (lái xe Taxi hãng "Thịnh H2" có quen biết từ trước) và bảo anh L1 đến đón P ở thôn Tam Lộng, xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên. Anh L1 đồng ý, điều khiển xe mô tô Taxi BKS 30E-185.69, đi từ tH1nh phố Phúc Yên đến thôn Tam Lộng, xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên đón P. P nhờ L1 trả tiền taxi cho anh T1 số tiền 340.000đ. P chuyển tivi từ xe ô tô của T1 sang xe ô tô taxi của L1 và lên ngồi ở H1ng ghế lái phụ. Anh L1 hỏi P "tivi của ai?", P trả lời "tivi của nH1 P", P bảo L1 trở về thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên. Trên đường đi P gọi điện cho anh Ngô Văn H1 (có quen biết từ trước) hỏi "anh có biết chỗ nào mua tivi không", anh H1 trả lời "không" (ý là không biết chỗ nào mua tivi), anh H1 hỏi P "tivi của ai", P trả lời "tivi của nH1 em". Anh H1 bảo P mang tivi đến quán nước JoJo, ở tổ dân phố My Kỳ, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên để H1 kiểm tra tivi, P đồng ý nói với L1 trở P đến địa điểm đã hẹn. Khi đến quán nước JoJo thuộc tổ dân phố My Kỳ, thị trấn Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, anh L1 dừng xe ở ngoài đường, P xuống xe bê tivi từ trong xe ô tô vào trong quán nước gặp anh H1 đang đợi ở đó. P đặt tivi xuống để anh H1 cắm điện kiểm tra thấy tivi vẫn chạy bình thường. Anh H1 hỏi P bán tivi với giá bao nhiêu, P trả lời là 3.200.000đ, thấy giá hợp lý anh H1 đồng ý mua tivi của P. Anh H1 để nhờ tivi ở quán nước của chị Hoàng Thị X (chủ quán nước JoJo) một vài ngày sẽ đến lấy sau, chị X đồng ý. Anh H1 bảo P đi về tổ dân phố Trại Cúp, thị trấn Bá Hiến đợi anh H1 lấy tiền trả, P đồng ý đi ra xe ô tô nói với anh L1 trở P về tổ dân phố Trại Cúp, thị trấn Bá Hiến, L1 điều khiển xe ô tô Taxi trở P về tổ dân phố Trại Cúp, thị trấn Bá Hiến đợi. Anh H1 trả cho P số tiền 3.200.000đ, P nhận đủ tiền và

trả cho anh L1 tiền taxi là 740.000đ (gồm cả tiền anh L1 đã trả tiền taxi trước đó cho P là 340.000đ). Sau đó, P đi bộ về phòng trọ ở tổ dân phố Trại Cúp ngủ. Toàn bộ số tiền bán chiếc tivi P đã dùng ăn uống, tiêu sài cá nhân hết.

Cùng ngày 11/12/2021, anh Trần Văn N có đơn trình báo Công anh huyện T và Công an xã H.

Ngày 15/12/2021, Lê Văn P đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại Nokia; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL và số tiền 2.300.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 958/KL-HĐĐG ngày 21/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Giá trị của tài sản là 7.000.000đ.

Tại Cáo trạng số: 15/CT-VKSTĐ ngày 16/02/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Lê Văn P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn P phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 03 N 06 tháng đến 04 N tù. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, phát mại sung quỹ NH1 nước chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về H1nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về H1nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng. Do đó, các H1nh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến H1nh tố tụng, người tiến H1nh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 450 phút ngày 11/12/2021, tại nH1 ông Trần Văn N ở thôn Làng H1, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, lợi dụng sơ hở Lê Văn P có H1nh vi lén lút trộm cắp 01 chiếc Tivi, nhãn hiệu Samsung, loại 55 inch, màu đen trị giá 7.000.000đ của ông Trần Văn N.

H1nh vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 N đến 07 N:

g) Tái phạm nguy hiểm".

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, H1nh vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Bị cáo là người có sức khỏe nH2 không chịu khó lao động, rèn luyện tu dưỡng bản thân mà lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân đã lao vào con đường phạm tội.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu nhiều lần trộm cắp tài sản và đã bị xử phạt hình phạt nghiêm khắc nH2 bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân lại tiếp tục phạm tội. Do bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện H1nh vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tuy nhiên, đây là tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Do vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo tH1nh khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về H1nh vi phạm tội của mình. Ngoài ra tại phiên tòa bị hại đề nghị hội đồng xét xưt xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với người liên quan: Đối với anh Ngô Văn H1 là người mua tivi của bị cáo; anh Lê Văn T1, anh Nguyễn TH1nh L1 là người lái xe taxi trở bị cáo đi bán ti vi và chị Hoàng Thị X cho bị cáo P và anh H1 gửi tivi ở quán nH2 đều không biết đây là tài sản do bị cáo P phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh H1, anh T1, anh L1 và chị X là phù hợp.

[6] Về dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với chiếc tivi Samsung, bị cáo trộm cắp là tài sản hợp pháp của ông N. Ngày 25/12/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản nêu trên cho ông N. Ông N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với anh Ngô Văn H1 là người mua chiếc ti vi của bị cáo P ngày 11/12/2021 nH2 anh H1 không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh H1 là đúng pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa anh H1 cho P số tiền đã mua ti vi là 3.200.000đ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell; số tiền 2.300.000đ là tài sản của anh Trương Văn H2. Anh H2 giao cho bị cáo P để làm việc tuyển công nhân đi làm

tại các khu công nghiệp trên địa bàn huyện Bình Xuyên để P và mua hồ sơ tuyển công nhân giúp anh H2, không liên quan đến H1nh vi phạm tội nên ngày 06/02/2022 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H2 là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại Nokia, anh H2 đã cho bị cáo để liên lạc. Sau đó P sử dụng làm P tiện để thực hiện H1nh vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu, bán phát mại, sung quỹ NH1 nước là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp H1nh hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 15/12/2021).

3. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia (Có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/3/2022).

4. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Lê Văn P phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Mầu Văn Mùi